

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/KDTM-PT
Ngày 01-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2024/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 178/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trường Đại học K; trụ sở: số E, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998; địa chỉ: số F, đường P, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ông Trương Minh T, sinh năm 1979; thường trú: số A, đường L, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 10/09/2021), ông T có mặt, ông A vắng mặt.

2. Bị đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; trụ sở: số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đình H, sinh năm 1983; trú tại: số C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; bà Cao Thị Thanh H1, sinh năm 1980; trú tại: 2, đường H, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1983; trú tại: 1, đường N, khu

phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; bà Nguyễn Thu D, sinh năm 1977; trú tại: số B, đường A, khu dân cư H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương - là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 22/9/2023), ông H, bà H1, bà V và bà D có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trường Đại học K

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- Đơn khởi kiện ngày 05/3/2020, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trương Minh T trình bày:

Trường Đại học K (gọi tắt là Nhà trường) là chủ tài khoản thanh toán số 0281000992553, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là: VCB BD).

Trong quá trình hoạt động, mỗi khi Trường Đại học K có thanh, quyết toán tài chính thì phân công cho bà Nguyễn Thị Tuyết H2 (là kế toán viên của T1, chết tháng 12/2020) liên hệ VCB BD để thực hiện. Bà H2 tiến hành việc rút tiền, chuyển tiền dựa trên chứng từ là “Lệnh chuyển tiền theo danh sách” do Hiệu trưởng Nhà trường phát hành.

Qua đối soát các chứng từ kế toán với các ủy nhiệm chi, lệnh chuyển tiền thanh toán cho các đối tác, nhà cung cấp có mối quan hệ kinh tế với Nhà trường trong giai đoạn từ 06/7/2015 đến 17/8/2020, Nhà trường nhận thấy VCB BD đã thực hiện lệnh chuyển tiền đến tài khoản của người thụ hưởng không đúng lệnh chuyển tiền hợp lệ của Nhà trường vì thực tế giữa hai bên (Nhà trường và người thụ hưởng nhận được tiền chuyển) hoàn toàn không có giao dịch kinh tế, thanh toán nào khác.

Khi Nhà trường phát hiện sự việc và đã phản hồi chính thức cho VCB BD từ ngày 01/6/2021 thông qua lãnh đạo các Phòng dịch vụ khách hàng tổ chức, Phòng khách hàng doanh nghiệp,... thuộc VCB BD. Trong suốt quá trình đó phía Ngân hàng đã cung cấp các chứng từ là "Lệnh chuyển tiền theo danh sách" do T1 phát hành. Tuy nhiên, qua đối chiếu thì các chứng từ này không phải do Nhà trường đã phát hành hợp pháp. Sau đó VCB BD đã có văn bản số: 807/BDU-KT ngày 29/6/2021, văn bản số: 863/BDU-DVKHTC ngày 16/7/2021, văn bản 890/BUD-DVKHTC ngày 28/7/2021 trả lời với nội dung: “Ngân hàng đã thực hiện xây dựng quy trình, trình tự thủ tục trong giải quyết hồ sơ chuyển (rút) tiền từ tài khoản của Trường Đại học K và hướng dẫn Trường Đại học K liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết.

Qua kiểm tra, đối chiếu Nhà trường nhận thấy VCB BD đã không tiến hành việc kiểm tra, đối chiếu các lệnh chuyển tiền mà đã thực hiện lệnh chuyển tiền

dựa trên các chứng từ giả mạo do bà H2 lập nên. Hậu quả là Nhà trường đã bị thiệt hại với số tiền 9.663.136.199 đồng.

Căn cứ:

- Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Thống đốc Ngân hàng N1.

- Thông tư số 32/2016/TT-NHNN ngày 26/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2014/TT-NHNN);

- Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28/02/2019 của Thống đốc Ngân hàng N1 (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2014/TT-NHNN Tại Điều 6 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN có quy định: “2. *Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có nghĩa vụ:*

a) Thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán;

b) Lưu giữ mẫu chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (trường hợp khách hàng là tổ chức thuộc đối tượng bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng) và những người được ủy quyền để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán.

c) Ghi có vào tài khoản thanh toán của khách hàng kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi nợ đối với tài khoản thanh toán của khách hàng.

d) Thông tin đầy đủ, kịp thời về số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán theo thỏa thuận với chủ tài khoản (được quy định tại hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán) và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.

đ) Cập nhật kịp thời các thông tin khi có thông báo thay đổi nội dung trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của chủ tài khoản. Bảo quản lưu trữ hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật.

e) Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán và giao dịch trên tài khoản thanh toán của chủ tài khoản theo quy định của pháp luật.

g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo trên tài khoản thanh toán của khách hàng do lỗi của mình.

h) Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

i) Xây dựng quy trình nội bộ về mở, sử dụng tài khoản thanh toán và duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán. Hướng dẫn, thông báo công khai để khách hàng biết và giải đáp, xử lý kịp thời các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

Nhà trường là chủ tài khoản thanh toán số 0281000992553, mở tại V1; nhà trường hoàn toàn không phát hành “Lệnh chuyển tiền theo danh sách”; nhưng bà Nguyễn Thị Tuyết H2 đã giả mạo các chứng từ này để chuyển (rút) tiền từ tài khoản của Nhà trường. Trong quá trình đó, VCB BD đã không tiến hành việc

kiểm tra, đối chiếu mà đã thực hiện lệnh chuyển tiền dựa trên các chứng từ giả mạo do bà H2 lập nên. Theo hồ sơ thì VCB BD đã chuyển từ tài khoản của Nhà trường đến các tài khoản: Nguyễn Thị Tuyết H2, Tạ Mạnh C, Trịnh Văn T2, Nguyễn Quốc D1 và Phùng Ngọc C1 với tổng số tiền là 9.663.136.199 đồng. Trong khi từ trước đến nay Nhà trường hoàn toàn không có giao dịch kinh tế hay thanh toán nào đối với những người thụ hưởng nhận được tiền chuyển.

Như vậy, xét về lỗi trong trường hợp này hoàn toàn thuộc về VCB BD, nay VCB BD lại từ chối tất cả trách nhiệm của mình đối với chủ tài khoản, điều này là trái pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bên nguyên đơn.

VCB BD là đơn vị phụ thuộc của Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Căn cứ Điều 74, 84 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Nhà trường số tiền bị thiệt hại. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần N phải thực hiện nghĩa vụ trả lại cho Trường Đại học K số tiền 9.663.136.199 đồng.

Văn bản trình bày ý kiến ngày 02/11/2021, quá trình tố tụng đại diện bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N trình bày:

Ngày 12/9/2007, Nhà trường mở tài khoản tại VCB BD và sử dụng tài khoản này để thực hiện giao dịch từ năm 2007 đến nay. Quá trình sử dụng tài khoản, Nhà trường có đăng ký mẫu dấu và chữ ký của người đại diện chủ tài khoản là bà Lê Bích P (thời điểm này là phó Hiệu trưởng Nhà trường). Trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán, VCB BD đã thanh toán trên cơ sở chứng từ hợp lệ: chứng từ do khách hàng Nhà trường lập có đầy đủ nội dung, có chữ ký trực tiếp của đại diện chủ tài khoản và có đóng dấu của chủ tài khoản lên chữ ký trực tiếp. Do đó, chứng từ thanh toán phù hợp với điều kiện của chứng từ thanh toán quy định tại Điều 4 Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 hướng dẫn dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và thỏa mãn điều kiện của chứng từ hợp pháp, hợp lệ quy định tại Điều 4 Chế độ chứng từ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của Thống đốc Ngân hàng N1. VCB BD thanh toán trên cơ sở đối chiếu chữ ký, con dấu của chủ tài khoản trên chứng từ khớp đúng với mẫu chữ ký, con dấu của chủ tài khoản đã đăng ký tại Ngân hàng, cũng như chứng từ được cung cấp bởi nhân viên đã được chủ tài khoản ủy quyền giao dịch với VCB BD.

Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

Thứ nhất: Nguyên đơn cho rằng “Chúng tôi hoàn toàn không phát hành “Lệnh chuyển tiền theo danh sách” tại trang 4 Đơn khởi kiện.

Hiện tại chứng từ thanh toán VCB BD đang lưu giữ cho thấy toàn bộ Lệnh chuyển tiền theo danh sách liên quan tới yêu cầu khởi kiện đều là bản gốc có chữ ký trực tiếp của người đại diện theo pháp luật của chủ tài khoản (bà Lê Bích P – Hiệu trưởng của Nhà trường) và đóng dấu lên chữ ký trực tiếp của chủ tài khoản tại Lệnh chuyển tiền theo danh sách. Như vậy, có đủ chứng cứ xác định toàn bộ Lệnh chuyển tiền theo danh sách đều do đại diện theo pháp luật (chủ tài khoản)

của nguyên đơn ký. Đơn khởi kiện do Hiệu trưởng Lê Bích P ký cho rằng “hoàn toàn không phát hành Lệnh chuyển tiền theo danh sách” là không đúng.

Thứ hai: Nguyên đơn cho rằng bà Nguyễn Thị Tuyết H2 đã giả mạo các chứng từ để chuyển (rút) tiền từ tài khoản của nguyên đơn tại trang 4 Đơn khởi kiện.

Toàn bộ chứng từ thanh toán do nguyên đơn lập đều đầy đủ nội dung, có chữ ký trực tiếp của người đại diện theo pháp luật là bà Lê Bích P và đóng dấu của nguyên đơn lên chữ ký của người đại diện theo pháp luật. Nguyên đơn cũng không đưa ra được cơ sở chứng minh bà Nguyễn Thị Tuyết H2 là người đại diện theo ủy quyền của chủ tài khoản giả mạo chứng từ thanh toán. Như vậy, ý kiến của nguyên đơn cho rằng bà Nguyễn Thị Tuyết H2 đã giả mạo các chứng từ để chuyển (rút) tiền từ tài khoản của nguyên đơn tại trang 4 đơn khởi kiện là suy đoán không có cơ sở chứng minh.

Thứ ba: Nguyên đơn cho rằng VCB BD đã không tiến hành kiểm tra, đối chiếu mà đã thực hiện lệnh chuyển tiền dựa trên các chứng từ giả mạo do bà Nguyễn Thị Tuyết H2 lập đến người thụ hưởng không có mối quan hệ kinh tế hay thanh toán nào với nguyên đơn tại trang 4 Đơn khởi kiện là suy đoán, không có cơ sở chứng minh.

Khi tiếp nhận và thực hiện các lệnh thanh toán từ nguyên đơn, cán bộ V1 đã thực hiện kiểm tra, kiểm soát chứng từ, theo đó đã kiểm tra sự khớp đúng về chữ ký của chủ tài khoản và con dấu của nguyên đơn đã được đăng ký tại ngân hàng và thực hiện hạch toán chuyển tiền trên cơ sở chứng từ thanh toán hợp lệ. Không có bất kỳ cơ sở nào thể hiện VCB BD có lỗi trong quá trình thực hiện lệnh thanh toán của nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng Chi nhánh B không thực hiện kiểm tra, kiểm soát chứng từ là suy đoán chủ quan, không có cơ sở.

Mặt khác, hồ sơ có đủ tài liệu chứng minh nguyên đơn đã được VCB BD thông báo biến động số dư trên cơ sở hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ theo dõi biến động số dư tài khoản. Ngày 07/07/2011, nguyên đơn có đăng ký dịch vụ vắn tin (xem số dư, sao kê) qua email bichthuy0608@yahoo.com.vn

Ngày 20/09/2011, nguyên đơn đăng ký thay đổi email nhận vắn tin sang địa chỉ email bichthuy0608@yahoo.com

Ngày 18/10/2019, nguyên đơn đăng ký dịch vụ internet banking (gửi chuyển tiền) (mã kế toán viên: Nguyễn Thị Tuyết H2, mã chủ tài khoản: Lê Bích P với số điện thoại nhận OTP cho 2 mã đều là số điện thoại của bà Lê Bích P – Hiệu trưởng của Nhà trường) và đăng ký số điện thoại bà Lê Bích P cho TK 0281000363636 (tài khoản nhận báo có). Ngày 09/9/2020, nguyên đơn đổi email mã kế toán viên của dịch vụ thanh toán sang email bà Lê Bích P và đã kích hoạt ứng dụng Smart OTP để sử dụng dịch vụ. Ngày 24/9/2020, nguyên đơn đăng ký bổ sung số điện thoại bà Lê Bích P cho tài khoản 0281000992553 (tài khoản phát sinh giao dịch).

Hơn nữa, việc đối chiếu, kiểm tra các giao dịch thực hiện qua ngân hàng tại VCB BD còn được thực hiện nhiều kênh khác như: sổ phụ trả công ty, sao kê tài khoản, xác nhận số dư cuối năm. Như vậy, nguyên đơn luôn kiểm soát được biến

động số dư tài khoản, việc nguyên đơn cho rằng không lập chứng từ thanh toán là không có cơ sở. Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số 178/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trường Đại học K đối với bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Trường Đại học K về việc buộc bị đơn trả đối với số tiền 1.563.448.299 đồng cho nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 11/10/2023, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyết định số 98/QĐKN-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 178/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Nguyên đơn thống nhất nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện ủy quyền của bị đơn: Bị đơn không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương theo quyết định số 98/QĐKN-VKS-DS ngày 25/10/2023, xét kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: bản án không thể hiện nội dung nguyên đơn

rút yêu cầu khởi kiện 1.563.448.299 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và không thể hiện rút tại giai đoạn nào mà tại phần quyết định lại đình chỉ đối với số tiền trên là mâu thuẫn với đơn khởi kiện, nhận định và quyết định của bản án.

Xét phần trình bày của người đại diện của nguyên đơn khi bắt đầu phần tranh tụng của Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 27/9/2023 tại trang 3 (bút lục số 207), nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.563.448.299 đồng. Tại mục [4] trang 6 của Bản án sơ thẩm cũng ghi nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong phần quyết định bản án tuyên đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 1.563.448.299 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không kháng cáo nội dung này và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn vẫn khẳng định giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.563.448.299 đồng vì nguyên đơn đã nhận lại được số tiền trên. Vì vậy, kháng nghị về việc rút yêu cầu khởi kiện 1.563.448.299 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị cho rằng nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là các “Lệnh chuyển tiền theo danh sách” bản phô tô, không thể hiện nội dung Thẩm phán đã đối chiếu bản chính là vi phạm Điều 95, Điều 96 và Điều 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét “các lệnh chuyển tiền theo danh sách” (các bút lục từ 32 đến 97) do nguyên đơn chỉ cung cấp được bản phô tô nên đã được Thẩm phán cấp sơ thẩm ghi vào xác nhận là không có bản chính, bản án sơ thẩm cũng nhận định chứng cứ nguyên đơn xuất trình không có công chứng, chứng thực nên không có giá trị chứng minh (theo mục [5] tại trang 7 của bản án). Tuy nhiên quá trình tố tụng, đại diện bị đơn thừa nhận toàn bộ chứng cứ là các “Lệnh chuyển tiền theo danh sách” do nguyên đơn đưa ra nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã xuất trình được bản chính của tất cả các tài liệu, chứng cứ nêu trên để Tòa án, Kiểm sát viên và đại diện nguyên đơn cùng đối chiếu. Đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận chữ ký trên các chứng từ là của bà Lê Bích P thời điểm này là Phó Hiệu trưởng Nhà trường và con dấu của Nhà trường đóng trên chứng từ là đúng. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát kháng nghị về nội dung này là chưa phù hợp.

[3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đối với ông Tạ Mạnh C, ông Trịnh Văn T2, ông Nguyễn Quốc D1 và bà Phùng Ngọc C1, là bỏ sót người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông Tạ Mạnh C, ông Trịnh Văn T2, ông Nguyễn Quốc D1 và bà Phùng Ngọc C1 chỉ là những người được thụ hưởng số tiền 9.663.136.199 đồng do Ngân hàng TMCP N chuyển theo yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào các chứng từ “Lệnh chuyển tiền theo danh sách” được đóng dấu của Nhà trường và chữ ký của bà Lê Bích P. Ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 hoàn toàn không phát sinh quyền

và nghĩa vụ trong việc hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP N mà nếu có thì chỉ phát sinh việc hoàn trả đối với Trường Đại học K.

Theo khoản 9 Điều 3 Giấy đề nghị mở tài khoản (lần đầu) – tổ chức ngày 12/09/2007, khoản 9 Điều 3 Giấy đề nghị thay đổi thông tin tài khoản tổ chức ngày 19/11/2008 và khoản 9 Điều 3 Giấy đề nghị thay đổi thông tin tài khoản tổ chức do hai bên ký kết ngày 08/05/2009 đều quy định về quyền và trách nhiệm của Ngân hàng: *“Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán của khách hàng, đảm bảo lập đúng thủ tục quy định, hợp pháp, hợp lệ và khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký, cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại dịch vụ, phương tiện thanh toán cần thiết phục vụ nhu cầu giao dịch của khách hàng”*. Theo thỏa thuận này thì Ngân hàng phải thanh toán đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán của khách hàng mà không phụ thuộc vào việc có phát sinh giao dịch giữa chủ tài khoản là Trường Đại học K với những người thụ hưởng là ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 hay không. Vì vậy, việc đưa ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết vì không làm thay đổi bản chất vụ án. Đồng thời, xét cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận các chứng cứ liên quan đến việc chuyển tiền nên cũng không cần thiết làm việc với ông C, ông T2, ông D1 và bà C1. Ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 nếu nhận tiền của nguyên đơn mà không có căn cứ pháp lý thì Trường Đại học K có quyền khởi kiện để đòi lại trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Đối với kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiếp tục tạm đình chỉ vụ án theo điểm d Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để chờ kết quả giải quyết tin tố giác tội phạm của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh B mới giải quyết được vụ án là không phù hợp. Bởi lẽ, từ ngày 03 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố T đã ban hành Công văn số 80/TA-DS gửi cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B kiến nghị khởi tố vụ án. Ngày 06/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ban hành thông báo số 1032/TBCSĐT với nội dung: *“Liên ngành Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T thống nhất chưa tiến hành thụ lý kiến nghị khởi tố vụ án theo Công văn số 80/TA-DS và chuyển lại toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân thành phố T để tiếp tục xem xét xử lý theo đúng quy định pháp luật”*. Ngày 02/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố T tiếp tục ban hành Công văn số 240/TA-DS yêu cầu Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B kiến nghị khởi tố vụ án. Ngày 14/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B có Phiếu chuyển số 185/PC-VPCQCSĐT chuyển kiến nghị khởi tố đến Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B. Ngày 18/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B có Phiếu chuyển số 200/PC-CSKT-Đ4 chuyển kiến nghị khởi tố đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T. Theo biên bản xác minh ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T thể hiện nội dung: *“Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã nhận Phiếu chuyển số 200/PC-CSKT-Đ4 ngày 18/11/2022 về việc chuyển văn bản kiến nghị khởi tố vụ án số 240/TA-DS của Tòa án nhân dân thành phố T, đối với kiến nghị trên Cơ quan Cảnh sát điều tra thành*

phố T đã có thông báo số 1032/TBCSĐT ngày 06/8/2022 gửi đến Toà án nhân dân thành phố T”.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chuyên kiến nghị khởi tố đến tất cả các cơ quan cảnh sát điều tra theo quy định và đã được trả lời là chưa tiến hành thụ lý kiến nghị khởi tố vụ án và chuyển lại toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân thành phố T để tiếp tục xem xét xử lý theo đúng quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Mặt khác, việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với các thành viên của Trường Đại học K làm thất thoát số tiền 9.663.136.199 đồng hoặc đối với người thụ hưởng số tiền là ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP N với Nhà trường. Vì vậy, kháng cáo và kháng nghị đề nghị tiếp tục tạm đình chỉ vụ án chờ kết quả giải quyết tin tố giác tội phạm của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh B là không phù hợp.

[5] Đối với kháng nghị cho rằng nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn trong lời khai về việc chi tiền cho ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa cho các bên đối chất, không lấy lời khai làm rõ mâu thuẫn và hướng dẫn nguyên đơn yêu cầu trưng cầu giám định các chứng từ chuyển tiền là nhận định chủ quan chưa đủ cơ sở.

Ngày 03/5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo đối chất số 05/2022/TB-HG nhưng đại diện nguyên đơn có Đơn từ chối đối chất ngày 08/5/2022 (bút lục 120). Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, hòa giải nhiều lần nhưng đại diện nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Nguyên đơn là bên nộp toàn bộ các chứng từ "Lệnh chuyển tiền theo danh sách" có chữ ký của bà Lê Bích P – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học K, là người được Hiệu trưởng đăng ký ủy quyền làm chủ tài khoản (bút lục 197-198), nên nguyên đơn hoàn toàn thừa nhận các chứng cứ này và không có yêu cầu giám định so sánh với chữ ký và con dấu mà nguyên đơn đã đăng ký tại Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận chữ ký và con dấu của Nhà trường trên các chứng từ "Lệnh chuyển tiền theo danh sách" và không có yêu cầu giám định. Đại diện nguyên đơn chỉ cho rằng chứng từ giả mạo vì thực tế giữa Trường Đại học K với ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 hoàn toàn không có giao dịch kinh tế với nhau và bà H2 (kê toán Nhà trường) cố ý ghi kèm danh sách thanh toán cho ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 vào trang đầu của chứng từ khi thanh toán cho các cá nhân, tổ chức khác để bà Lê Bích P ký chuyển tiền cùng. Xét bà Lê Bích P đại diện cho chủ tài khoản của Nhà trường nên phải có trách nhiệm kiểm tra trước khi ký các lệnh chuyển tiền. Đồng thời, trong trang đầu của các chứng từ "Lệnh chuyển tiền theo danh sách" ngoài việc thanh toán cho ông C, ông T2, ông D1 và bà C1 thực tế còn thanh toán cho nhiều cá nhân, tổ chức khác nữa nhưng Nhà trường vẫn chấp nhận nên đại diện nguyên đơn cho rằng bà P không kiểm tra trước khi ký chuyển tiền là không hợp lý. Vì vậy, Nhà trường phải chịu trách nhiệm trong việc phát hành các chứng từ "Lệnh chuyển tiền theo danh sách" nên kháng nghị đề nghị trưng cầu giám định các chứng từ chuyển tiền là chưa phù hợp vì nguyên đơn đã thừa nhận chữ ký và con dấu là của Nhà trường.

[6] Đối với kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ đối với người đại diện theo pháp luật, kế toán của Nhà trường trong thời gian Ngân hàng TMCP N chi số tiền 9.663.136.199 đồng, thu thập hợp lệ những chứng từ giao dịch về số tiền thất thoát.

Xét thấy, đại diện nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bà Lê Bích P là tại Trường K. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà P nhưng bà P không còn sinh sống tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp nên không tổng đạt được (bút lục 173). Nguyên đơn trình bày đối với kế toán Nguyễn Thị Tuyết H2 là người lập các "Lệnh chuyển tiền theo danh sách" đã chết từ tháng 12/2020 nên kháng nghị yêu cầu làm rõ đối với người đại diện theo pháp luật, kế toán của Nhà trường trong thời gian Ngân hàng chi số tiền 9.663.136.199 đồng là không thể thực hiện được và cũng không thuộc phạm vi giải quyết vụ án như nhận định tại phần [3, 4].

Đối với việc xác minh người sử dụng 02 (hai) email thông báo biến động số dư là không cần thiết bởi lẽ nguyên đơn đăng ký dịch vụ internet banking (gói chuyển tiền) vào 18/10/2019. Nguyên đơn đăng ký dịch vụ internet banking (gói chuyển tiền) với số điện thoại nhận OTP cho 2 mã đều là số điện thoại của bà Lê Bích P và đăng ký số điện thoại bà Lê Bích P cho TK 0281000363636 (tài khoản nhận báo có). Ngày 09/9/2020, nguyên đơn đổi email mã kế toán viên của dịch vụ thanh toán sang email bà Lê Bích P và đã kích hoạt ứng dụng Smart OTP để sử dụng dịch vụ. Ngày 24/9/2020, nguyên đơn đăng ký bổ sung số điện thoại bà Lê Bích P cho TK 0281000992553 (tài khoản phát sinh giao dịch). Vì vậy, bà P là đại diện chủ tài khoản của nguyên đơn hoàn toàn có quyền kiểm soát việc chuyển tiền do trực tiếp ký chứng từ và giữ mã OTP nên kháng nghị liên quan nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, kháng nghị và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là không phù hợp. Tuy nhiên, cần chỉnh sửa cách tuyên cho phù hợp giữa phần rút yêu cầu và phần còn lại của yêu cầu khởi kiện, ghi rõ hơn phần yêu cầu khởi kiện nào không được toà án chấp nhận theo quy định tại Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương theo Quyết định kháng nghị số 98/QĐKN-VKS-DS ngày 25/10/2023.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trường Đại học K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Trường Đại học K về việc buộc bị đơn trả đối với số tiền 1.563.448.299 (một tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi chín) đồng cho nguyên đơn.

2.2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn Trường Đại học K về việc buộc bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N phải thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng dịch vụ về việc trả lại số tiền 8.099.687.900 đồng (tám tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Trường Đại học K phải chịu 116.099.688 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.832.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0056520 ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Nguyên đơn Trường Đại học K còn phải nộp thêm 57.267.688 (năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn Trường Đại học K phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001028 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
 - Chi cục THADS thành phố T;
 - TAND thành phố T;
 - Các đương sự (để thi hành);
 - Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp;
- Tòa Kinh tế.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Dũng